

**ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**XÃ PHÚ ĐÌNH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 196/QĐ-UBND

Phú Đình, ngày 10 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2024**  
**của xã Phú Đình**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ ĐÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.*

*Căn cứ luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.*

*Xét đề nghị của Ban tài chính xã.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý 3 năm 2024 của xã Phú Đình

*( Có các biểu từ biểu 113 đến biểu 115 chi tiết kèm theo Quyết định này )*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Phú Đình, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**CHỦ TỊCH**

**Trương Văn Vượng**

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 196/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của UBND xã Phú Đình)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>6.808.000.000</b>	<b>2.219.100.302</b>	<b>32,60</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	53.000.000	17.997.935	33,96
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	196.600.000	145.056.757	73,78
3	Thu bổ sung	6.558.400.000	2.056.045.610	31,35
4	Thu chuyển nguồn		0	
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>6.808.000.000</b>	<b>2.398.717.589</b>	<b>35,23</b>
1	Chi đầu tư phát triển	50.400.000	312.952.741	620,94
2	Chi thường xuyên	6.660.600.000	2.085.764.848	31,31
3	Dự phòng	97.000.000	0	0,00

## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số: 196/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của UBND xã Phú Đình)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ III		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	$\frac{5}{3/1}$	$6 = 4/2$
	<b>Tổng số thu</b>	<b>6.884.400.000</b>	<b>6.808.000.000</b>	<b>2.313.668.237</b>	<b>2.219.100.302</b>	<b>33,61</b>	<b>32,60</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>53.000.000</b>	<b>53.000.000</b>	<b>17.739.000</b>	<b>17.997.935</b>	<b>33,47</b>	<b>33,96</b>
1	Phí, lệ phí	43.000.000	43.000.000	10.739.000	10.739.000	24,97	24,97
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			7.000.000	7.000.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	10.000.000	10.000.000		258.935	0,00	2,59
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>273.000.000</b>	<b>196.600.000</b>	<b>239.883.627</b>	<b>145.056.757</b>	<b>87,87</b>	<b>73,78</b>
1	Các khoản thu phân chia	11.000.000	11.000.000	2.360.425	2.360.425	21,46	

1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			2.360.425	2.360.425		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	11.000.000	11.000.000	0	0	0,00	
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất						
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	262.000.000	185.600.000	237.523.202	142.696.332	90,66	76,88
2.1	Thu tiền sử dụng đất	56.000.000	56.000.000	172.103.000	120.472.100	307,33	215,13
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	135.000.000	129.600.000	23.150.241	22.224.232	17,15	17,15
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	71.000.000		42.269.961	0	59,54	
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>						
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>						
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>6.558.400.000</b>	<b>6.558.400.000</b>	<b>2.056.045.610</b>	<b>2.056.045.610</b>	<b>31,35</b>	<b>31,35</b>



